

PHỤ LỤC I
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 THỊ TRẦN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học số 2 thị trấn.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Địa chỉ: Khối Đoàn Kết thị trấn Tuần Giáo - huyện Tuần Giáo - tỉnh Điện Biên.

- Số điện thoại: 02303862581.

- Địa chỉ thư điện tử: th.so2thitran@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử: <http://thso2thitran.tuangiao.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: - Loại

hình: Công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: “Xây dựng được môi trường làm việc, học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, mỗi giáo viên, học sinh được phát triển toàn diện về nhân cách, có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy của bản thân”.

- Tầm nhìn: “Trường Tiểu học số 2 thị trấn là một trong những trường có uy tín của huyện Tuần Giáo, là môi trường để giáo viên và học sinh tự hào được cống hiến và ra sức rèn luyện, học tập tốt”.

- Mục tiêu:

1) Giai đoạn 2021 – 2022: Xây dựng đội ngũ sư phạm có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết với nghề, yêu trường, đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường. 2) Giai đoạn 2022 – 2023: Nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và kết quả học tập, giáo dục toàn diện của học sinh; giáo viên và học sinh đáp ứng phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

3) Sau năm 2023 - 2025: Tạo lập môi trường giáo dục thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và phụ huynh học sinh để thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường tiểu học số 2 thị trấn Tuần giáo được thành lập theo Quyết định 203/QĐ-UB, ngày 22 tháng 8 năm 1991. Trục thuộc phòng GD&ĐT Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Trường đóng trên địa bàn

thuận lợi của huyện Tuần Giáo, trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các Cấp Ủy đảng, chính quyền và Phòng giáo dục và đào tạo. Những năm học qua Nhà trường luôn có sự đồng tình ủng hộ của các bậc phụ huynh, các đoàn thể, nhà trường luôn được đánh giá cao về chất lượng và các phong trào thi đua. Cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy và học.

Trường TH số 2 thị trấn đã xác định rõ định hướng, mục tiêu và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển của nhà trường để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, nhất là khi thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật:

- Bà: Hoàng Thanh phương.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Nơi làm việc: Trường Tiểu học số 2 thị trấn
- Số điện thoại: 0383542169
- Địa chỉ thư điện tử: phuongbs76@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định thành lập: Quyết định số 203/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 1991 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo về việc thành lập trường Tiểu học số 2 thị trấn.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 - QĐ kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 của UBND huyện Tuần Giáo

Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục; c1. Quyết định điều động Hiệu trưởng: Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng (Hoàng Thanh Phương)

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục; d1. Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Cơ cấu tổ chức: Hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học sinh.

- Hoạt động: Thực hiện Chương trình giáo dục và kế hoạch giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

- Chức năng: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền hạn: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quyền khác theo quy định của pháp luật. d3. Tổ chức bộ máy: Tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); Không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có). Không có

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường: Xem Phụ lục 1 của Báo cáo.
- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Xem Phụ lục 2 của Báo cáo.
- Quy định về quản lý tài sản: Xem Phụ lục 3 của Báo cáo.
- Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Xem Phụ lục 4 của Báo cáo.
- Kế hoạch tuyển dụng của nhà trường: Xem Phụ lục 5 của Báo cáo.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

a1. Cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Hoàng Thanh Phương	HT	ĐHGDTH	2024	HT

a2. Giáo viên:

Họ và tên	Nhiệm vụ	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
Lò Thị Tranh	CN Lớp 1A1	1	1
Huỳnh Thị Hương	CN Lớp 1A2	1	1
Hoàng Thị Hằng	CN Lớp 2A	1	1
Tô Kim nhung	CN Lớp 3A1	1	1
Dương Thị Lan	CN Lớp 3A2	1	1
Nguyễn Thị Hoa Thắm	CN Lớp 4A1	1	1
Đỗ Thị Toàn	CN Lớp 4A2	1	1

Hoàng Thị Minh Phương	CN Lớp 5A1	1	1
Nguyễn Thị Liên	CN Lớp 5A2	1	1
Nguyễn Thị Huế	Tin học	1	1
Nguyễn Thị Phương	Tiếng Anh	1	1
Nguyễn Quốc Dương	Tổng PTĐ	1	1
Bùi Văn Ninh	GV	1	1
Tổng cộng		13	13

a.3. Nhân viên:

STT	Bộ môn	Trình độ chuyên môn				Năm báo cáo	Năm trước liền kề
		Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Khác		
1	Thiết bị, thí nghiệm					0	0
2	Giáo vụ (CNTT)					0	0
3	Tư vấn học sinh					0	0
4	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					0	0
5	Thư viện				1	1	1
6	Quản trị công sở					0	0
7	Văn thư					0	0
8	Thủ quỹ					0	0
9	Kế toán					0	0
10	Y tế				1	1	1
11	Bảo vệ				1	1	1
12	Phục vụ				1	1	1
Tổng cộng					4	4	4

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Cán bộ quản lý: 1. Đạt chuẩn 1/1. Tỷ lệ: 100%.

- Giáo viên: 13. Đạt chuẩn 13/13. Tỷ lệ: 100%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Số lượng: 18.

- Tỷ lệ Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100% (18/18).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; - Diện tích khu đất xây dựng trường: 3020 m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: $3020/236 = 12,8 \text{ m}^2$.

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt $12,8 \text{ m}^2/8\text{m}^2$.

b) *Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

c) *Số thiết bị dạy học hiện có:*

Stt	Khối lớp	Số lượng	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Khối lớp 1	50	50	40
2	Khối lớp 2	59	59	50
3	Khối lớp 3	12	12	10
4	Khối lớp 4	12	12	10
5	Khối lớp 5	55	55	50
Thiết bị dùng chung		188	188	160

d) *Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. **d1.** Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:*

e) *d1.1. Khối 1*

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 1, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 1, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 1, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 1, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

9	Hoạt động trải nghiệm 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

dl.2. Khối 2

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 2, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 2, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 2, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 2, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

dl.3. Khối 3:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 3, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 3, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 3, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 3, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

11	Tin học 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 3 - Global Success - SHS tập 1
14	Tiếng anh 3- Global Success - SHS tập 2

dl.4. Khối 4:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 4, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 4, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 4, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 4, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
11	Tin học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 4 - Global Success
14	Khoa học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
15	Lịch sử và Địa lý 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

dl.4. Khối 5:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 5, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 5, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 5, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 5, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

7	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
11	Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 5 - Global Success
14	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
15	Lịch sử và Địa lý 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

d2. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu lựa chọn, sử dụng:

DANH MỤC SÁCH THAM KHẢO KÈM THEO BIÊN BẢN
(Đơn vị tính là Quyển)

STT	Tên danh mục	KK 30/5/2025	Chất lượng	Kết quả	Chất lượng	Ghi chú
SÁCH THAM KHẢO LỚP 1						
1	Sống đẹp lớp 1, tập 1 (Dùng cho HĐGDNGLL)	2	75%	2	70%	
2	Sống đẹp lớp 1, tập 2 (Dùng cho HĐGDNGLL)	2	75%	2	70%	
3	Giáo dục kĩ năng sống trong các môn học ở tiểu học lớp 1	2	75%	2	70%	
4	Toán bồi dưỡng 1	2	75%	2	70%	
5	500 bài toán cơ bản và nâng cao 1	2	75%	2	70%	
6	Bài tập trắc nhiệm toán lớp 1	2	75%	2	70%	
7	Chuyên đề bồi dưỡng và nâng cao toán 1/1	2	75%	2	70%	
8	Chuyên đề bồi dưỡng và nâng cao toán 1/2	2	75%	2	70%	
9	Toán nâng cao 1	2	75%	2	70%	
10	Phát triển và nâng cao toán 1	2	75%	2	70%	
11	Phát triển và nâng cao tiếng việt 1	2	75%	2	70%	
12	Bồi dưỡng tiếng việt 1/1	2	75%	2	70%	
13	Bồi dưỡng tiếng việt 1/2	2	75%	2	70%	
14	39 đề tiếng việt 1	2	75%	2	70%	
15	Bài tập trắc nghiệm tiếng việt 1	2	75%	2	70%	

16	Tài liệu GD ATGT	5	90%	5	85%	
SÁCH THAM KHẢO LỚP 2						
1	Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học lớp 2	2	75%	2	70%	
2	Sống đẹp lớp 2, tập 1 (Dùng cho HGDNGLL)	2	75%	2	70%	
3	Sống đẹp lớp 2, tập 2 (Dùng cho HGDNGLL)	2	75%	2	70%	
4	Bác Hồ và những bài học về đạo đức lối sống dành cho học sinh lớp 2	2	75%	2	70%	
5	Tiếng việt cơ bản 2	2	75%	2	70%	
6	Toán cơ bản và nâng cao 2/1	2	75%	2	70%	
7	Toán cơ bản và nâng cao 2/2	2	75%	2	70%	
8	Toán bồi dưỡng 2	2	75%	2	70%	
9	Bồi dưỡng năng lực tự học toán 2	2	75%	2	70%	
10	Giúp em giỏi toán lớp 2	2	75%	2	70%	
11	Tuyển chọn 405 bài tập toán 2	2	75%	2	70%	
12	Toán nâng cao lớp 2	2	75%	2	70%	
13	Tiếng việt 2 phát triển và nâng cao 2	2	75%	2	70%	
14	Luyện từ và câu 2	2	75%	2	70%	
15	112 trò chơi toán lớp 1 & 2	2	75%	2	70%	
16	Phát triển và nâng cao toán 2	2	75%	2	70%	
17	Phát triển và nâng cao tiếng việt 2	2	75%	2	70%	
18	Học tốt tiếng việt 2/1	2	75%	2	70%	
19	Học tốt tiếng việt 2/2	2	75%	2	70%	
20	Bài tập trắc nghiệm tiếng việt 2	2	75%	2	70%	
21	Tuyển chọn những bài văn miêu tả 2	2	75%	2	70%	
22	Văn kể chuyện 2	2	75%	2	70%	
23	Giúp em giỏi tập làm văn 2	2	75%	2	70%	
24	Tập làm văn 2	2	75%	2	70%	
25	Tài liệu GD ATGT	5	90%	5	85%	
SÁCH THAM KHẢO LỚP 3						
1	Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học lớp 3	2	75%	2	70%	
2	Sống đẹp lớp 3, tập 1 (Dùng cho HGDNGLL)	2	75%	2	70%	
3	Sống đẹp lớp 3, tập 2 (Dùng cho HGDNGLL)	2	75%	2	70%	

1	Giáo dục kĩ năng sống trong các môn học ở tiểu học lớp 4	2	75%	2	70%	
2	Sống đẹp lớp 4, tập 1 (Dùng cho HGDNGLL)	2	75%	2	70%	
3	Sống đẹp lớp 4, tập 2 (Dùng cho HGDNGLL)	2	75%	2	70%	
4	Bác Hồ và những bài học về đạo đức lối sống dành cho học sinh lớp 4	2	75%	2	70%	
5	Tiếng việt cơ bản 4	2	75%	2	70%	
6	Bồi dưỡng toán 4	2	75%	2	70%	
7	Toán cơ bản và nâng cao 4/1	2	75%	2	70%	
8	Toán cơ bản và nâng cao 4/2	2	75%	2	70%	
9	Bài tập trắc nghiệm toán 4	2	75%	2	70%	
10	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu 4	2	75%	2	70%	
11	Tuyển tập các bài toán hay và khó 4	2	75%	2	70%	
12	Toán 4 phát triển và nâng cao 4	2	75%	2	70%	
13	Giúp em giỏi tập làm văn 4	2	75%	2	70%	
14	Luyện từ và câu 4	2	75%	2	70%	
15	Ôn luyện và kiểm tra tiếng anh 4	2	75%	2	70%	
16	Bộ đề luyện thi olympic tiếng anh 4	2	75%	2	70%	
17	Dàn bài tập làm văn 4	2	75%	2	70%	
18	Bài tập trắc nghiệm toán 4	2	75%	2	70%	
19	Các dạng bài tập trắc nghiệm toán 4	2	75%	2	70%	
20	Một số thủ thuật toán 4&5	2	75%	2	70%	
21	Hướng dẫn thực hành giải toán có lời văn 4	2	75%	2	70%	
22	Phát triển và nâng cao toán 4	2	75%	2	70%	
23	Chuyên đề BD và NC tiếng việt 4/1	2	75%	2	70%	
24	Chuyên đề BD và NC tiếng việt 4/2	2	75%	2	70%	
25	Hướng dẫn học: khoa học, lịch sử, Địa lí 4	2	75%	2	70%	
26	Luyện tập làm văn 4	2	75%	2	70%	
27	Tập làm Văn 4	2	75%	2	70%	
28	Văn miêu tả 4	2	75%	2	70%	
29	Văn kể chuyện 4	2	75%	2	70%	
30	Rèn kỹ năng cảm thụ văn 4	2	75%	2	70%	
31	Cảm thụ văn 4	2	75%	2	70%	
32	Truyện đọc đạo đức 4	2	75%	2	70%	

33	Học tốt anh 4	2	75%	2	70%	
34	Ngữ pháp và tập tiếng anh4/1	2	75%	2	70%	
35	Ngữ pháp và tập tiếng anh4/2	2	75%	2	70%	
36	Tài liệu GD ATGT	5	90%	5	85%	
SÁCH THAM KHẢO LỚP 5						
1	Sống đẹp lớp 5, tập 1 (Dùng cho HGDNGLL)	2	75%	2	70%	
2	Sống đẹp lớp 5, tập 2 (Dùng cho HGDNGLL)	2	75%	2	70%	
3	Giáo dục kĩ năng sống trong các môn học ở tiểu học lớp 5	2	75%	2	70%	
4	Tiếng việt cơ bản 5	2	75%	2	70%	
5	Toán cơ bản và nâng cao 5/1	2	75%	2	70%	
6	Toán cơ bản và nâng cao 5/2	2	75%	2	70%	
7	Toán bồi dưỡng 5	2	75%	2	70%	
8	Bồi dưỡng năng khiếu 5	2	75%	2	70%	
9	Bài tập trắc nghiệm toán 5	2	75%	2	70%	
10	Toán BD học sinh năng khiếu 5	2	75%	2	70%	
11	Các bài toán cơ bản và nâng cao hình học 5	2	75%	2	70%	
12	CD số đo thời gian & toán chuyển động đều 5	2	75%	2	70%	
13	Toán nâng cao 5	2	75%	2	70%	
14	Chuyên đề số thập phân 5	2	75%	2	70%	
15	Giúp em giỏi toán 5	2	75%	2	70%	
16	Toán 5 phát triển và nâng cao 5	2	75%	2	70%	
17	Ôn luyện tiếng việt cuối tiểu học tập 1	2	75%	2	70%	
18	Ôn luyện tiếng việt cuối tiểu học tập 2	2	75%	2	70%	
19	Toán chuyên đề số và hệ đếm thập phân	2	75%	2	70%	
20	Rèn kĩ năng tập làm văn 5	2	75%	2	70%	
21	Để học tốt toán 5	2	75%	2	70%	
22	Các bài toán phân số và tỉ số 5	2	75%	2	70%	
23	Phát triển và nâng cao toán 5	2	75%	2	70%	
24	Phát triển và nâng cao tiếng việt 5	2	75%	2	70%	
25	Bồi dưỡng toán tiểu học 5	2	75%	2	70%	
26	Giải bằng nhiều cách các bài toán số học 5	2	75%	2	70%	
27	Giải bằng nhiều cách các bài toán hình học 5	2	75%	2	70%	

28	Luyện tập làm văn 5	2	75%	2	70%	
29	Giúp em giỏi từ và câu 5	2	75%	2	70%	
30	Tập làm văn 5	2	75%	2	70%	
31	Bồi dưỡng văn tiếng việt 5/1	2	75%	2	70%	
32	Bồi dưỡng văn tiếng việt 5/2	2	75%	2	70%	
33	Dàn bài tập làm văn 5	2	75%	2	70%	
34	Văn miêu tả 5	2	75%	2	70%	
35	Văn kể chuyện 5	2	75%	2	70%	
36	Cảm thụ văn 5	2	75%	2	70%	
37	Truyện đọc đạo đức 5	2	75%	2	70%	
38	Học tốt tiếng anh 5	2	75%	2	70%	
39	75 bài kiểm tra toán 5	2	75%	2	70%	
40	Giúp em giỏi từ và câu 5/1	2	75%	2	70%	
41	Giúp em giỏi từ và câu 5/2	2	75%	2	70%	
42	Tài liệu GD ATGT	5	90%	5	85%	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.
- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Cụ thể:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1. TIÊU CHUẨN 1: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Nhà trường có cơ cấu tổ chức đầy đủ, hoạt động đúng quy định.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, quy chế làm việc; công tác quản lý, chỉ đạo điều hành có hiệu quả.

Hồ sơ quản lý, sổ sách được cập nhật đầy đủ, khoa học.

Tự đánh giá: Đạt

2. TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định.

Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Nhân viên được bố trí đúng vị trí việc làm.

CBQL; 01, thiếu 01 - PHT

Tự đánh giá: Đạt

3. TIÊU CHUẨN 3: CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học đạt yêu cầu.

Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao; học sinh chăm ngoan, lễ phép.

Tự đánh giá: Đạt

4. TIÊU CHUẨN 4: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

Có đủ phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ, sân chơi theo quy định.

Trang thiết bị dạy học được trang bị tương đối đầy đủ và sử dụng hiệu quả.

Cảnh quan nhà trường xanh – sạch – đẹp, an toàn.

CSVC xuống cấp

Tự đánh giá: Đạt

5. TIÊU CHUẨN 5: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội.

Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Nhà trường được chính quyền và nhân dân địa phương ủng hộ.

Tự đánh giá: Đạt

IV. KẾT LUẬN CHUNG

Các tiêu chí Đạt mức 1: 0/27 tỷ lệ 0%

Các tiêu chí Đạt mức 2: 10/27 tỷ lệ 37,0%

Các tiêu chí Đạt mức 3: 17/27 tỷ lệ 63,0%

Các tiêu chí Đạt mức 4: 0/27 tỷ lệ 0%

Kết luận: Trường Tiểu học số 2 Tuần Giáo **đủ điều kiện** đề nghị công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ II

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; Nhà trường không thực hiện.
- b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; Nhà trường không thực hiện.
- c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

Nhà trường không thực hiện

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

- a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

a1. Kết quả tuyển sinh:

Stt	Khối lớp	Kết quả tuyển sinh	
		Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Lớp 1	41	35
Tổng cộng		41	35

- a2. Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật:

Khối	Tổng số học sinh									
	Năm báo cáo					Năm trước liền kề				
	Bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Số Nam/Nữ	Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật	Bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Số Nam/Nữ	Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật
1	39	39	19/20	25		35	35	16/19	20	1
2	35	35	17/18	20	1	46	46	21/25	28	
3	49	49	23/26	30		54	54	30/24	25	2

4	57	57	31/26	26	2	55	55	26/29	30	
5	56	56	26/30	30		42	42	18/24	23	
Tổng	236	236	120	131	3	235	235	119	126	3

a3. Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS chuyển trường	Tiếp nhận	HS chuyển trường	Tiếp nhận
1	/	41	0	35
2	1	35	1	46
3	0	49	0	54
4	0	57	0	55
5	0	56	0	42
Tổng	1	236	1	235

b)

c) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp; **b1.** Thống kê kết quả đánh giá học sinh:

* Kết quả học tập (Học lực) Năm học 2024 – 2025:

* Môn học và hoạt động giáo dục

KHỐI 1

Môn	1A1						1A2					
	HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng việt	17	85	3	15	0	0	16	84,2	3	15,8	0	0
Toán	17	85	3	15	0	0	17	89,5	2	10,5	0	0

TN&XH	16	80	4	20	0	0	15	78,9	4	21,1	0	0
Đạo đức	16	80	4	20	0	0	16	84,2	3	15,8	0	0
Âm nhạc	15	75	5	25	0	0	15	78,9	4	21,1	0	0
Mĩ thuật	15	75	5	25	0	0	16	84,2	3	15,8	0	0
GDTC	16	80	4	20	0	0	15	78,9	4	21,1	0	0
HĐTN	17	85	3	15	0	0	15	78,9	4	21,1	0	0

KHỐI 2

Môn	2A					
	HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng việt	33	97,0	1	3,0	0	0
Toán	32	94,1	2	5,6	0	0
TN&XH	26	76,5	8	23,5	0	0
Đạo đức	24	70,5	10	29,5	0	0
Âm nhạc	23	67,7	11	32,3	0	0
Mĩ thuật	25	73,5	9	26,5	0	0
GDTC	24	70,5	10	29,5	0	0
HĐTN	24	70,5	10	29,5	0	0

KHỐI 3

Môn	3A1						3A2					
	HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng việt	15	65,2	8	34,8	0	0	20	80	5	20	0	0
Toán	18	78,3	5	21,7	0	0	13	52	12	48	0	0

Ngoại ngữ	14	60,8	9	39,1	0	0	18	72	7	28	0	0
Tin	15	65,2	8	34,8	0	0	16	64	9	36	0	0
TN&XH	14	60,8	9	39,1	0	0	15	60	10	40	0	0
Đạo đức	14	60,8	9	39,1	0	0	15	60	10	40	0	0
Âm nhạc	16	69,6	7	30,4	0	0	18	72	7	28	0	0
Công nghệ	16	69,6	7	30,4	0	0	15	60	10	40	0	0
Mĩ thuật	15	65,2	8	34,8	0	0	17	68	8	32	0	0
GDTC	15	65,2	8	34,8	0	0	14	56	11	44	0	0
HĐTN	15	65,2	8	34,8	0	0	14	56	11	44	0	0

KHỐI 4

Môn	4A1						4A2					
	HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%
Tiếng việt	16	59,2	11	40,8	0	0	20	69	9	31	0	0
Toán	18	66,7	9	33,3	0	0	18	62,1	11	37,9	0	0
Ngoại ngữ	16	59,2	11	40,8	0	0	19	65,5	10	34,5	0	0
Tin	16	59,2	11	40,8	0	0	20	69	9	31	0	0
Khoa học	19	70,3	8	29,7	0	0	22	75,9	7	24,1	0	0
LS&Đ L	17	62,9	10	37,1	0	0	21	72,4	8	27,6	0	0
Đạo đức	18	66,7	9	33,3	0	0	20	69	9	31	0	0

Âm nhạc	16	59,2	11	40,8	0	0	21	72,4	8	27,6	0	0
Công nghệ	18	66,7	9	33,3	0	0	18	62,1	11	37,9	0	0
Mĩ thuật	16	59,2	11	40,8	0	0	18	62,1	11	37,9	0	0
GDTC	16	59,2	11	40,8	0	0	19	65,5	10	34,5	0	0
HĐTN	16	59,2	11	40,8	0	0	18	62,1	11	37,9	0	0

KHỐI 5

Môn	5A1						5A2					
	HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	24	82,7	5	17,3	0	0	18	66,7	9	33,3	0	0
Toán	22	75,8	7	24,2	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0
Khoa học	23	79,3	6	20,7	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0
LS \$ ĐL	22	75,8	7	24,2	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0
Đạo đức	23	79,3	6	20,7	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0
HĐ TN	24	82,7	5	17,3	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0
Độc sách thư viện	23	79,3	6	20,7	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0
Tiếng anh	21	72,4	8	27,6	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0
Tin học	23	79,3	6	20,7	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0

***Học tập**

Lớp	Tổng số HS	HTT		HT		CHT	
		SL	%	SL	%	SL	%
1A1	20	15	75	5	25	0	0
1A2	19	15	78,9	4	21,1	0	0
2A	35 (1KT)	23	67,6	11	32,4	0	0
3A1	23	13	56,5	10	43,5	0	0
3A2	25	14	56	11	44	0	0
4A1	28(1KT)	16	59,3	11	40,7	0	
4A2	29	18	62,1	11	37,9	0	0
5A1	29	21	72,4	8	27,6	0	0
5A2	27	16	59,2	11	40,8	0	0
Tổng	235 (2KT)	151	64,8	82	35,2	0	0

*** Kết quả giáo dục**

Lớp	Tổng số HS	HTXS		HTT		HT		CHT	
		S L	%	S L	%	SL	%	S L	%
1A1	20	8	40	7	35	5	25	0	0
1A2	19	8	42,1	7	36,8	4	21,1	0	0
2A	35 (1KT)	11	32,4	12	35,2	11	32,4	0	0
3A1	23	4	17,4	7	30,4	12	52,2	0	0
3A2	25	5	20	9	36	11	44	0	
4A1	27	7	25,9	9	33,3	11	40,8	0	0
4A2	29	8	27,6	10	34,5	11	37,9	0	

5A1	29	1 3	44,8	8	27, 6	8	27,6	0	0
5A2	27	1 0	37,0	6	22, 2	11	40,8	0	0
Tổng	235 (2KT)	7 4	31,6	7 5	32, 2	84	36,2	0	0

*** Kết quả môn Tiếng Anh**

LỚP	TS HS	TSHS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	
3A1	25	24	14	58,3	10	41,7	0	0	1 KT
3A2	29	29	17	58,6	12	41,4	0	0	
4A1	29	29	23	79,3	6	20,7	0	0	
4A2	26	26	17	65,4	9	34,6	0	0	
5A1	21	21	8	38,1	13	61,9	0	0	
5A2	21	21	6	28,6	15	71,4	0	0	
Tổng	151	150	85	56,7	65	43,3	0	0	1KT

***Kết quả môn Tin học**

LỚP	TS HS	TSHS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3A1	25	24	14	58,3	10	41,7	0	0	1KT
3A2	29	29	18	62,1	11	37,9	0	0	

4A1	29	29	25	86, 2	4	13 ,8	0	0	
4A2	26	26	17	65, 4	9	34 ,6	0	0	
5A1	21	21	10	47, 6	11	52 ,4	0	0	
5A2	21	21	10	47, 6	11	52 ,4	0	0	
Tổng g	151	150	94	62, 7	56	37 ,3	0	0	1KT

***Kết quả môn Công nghệ**

LỚP	TS HS	TSHS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3A1	23	23	14	60, 8	9	39 ,1	0	0	
3A2	25	25	15	60	10	40	0	0	
4A1	28	27	16	57,1	12	42,9	0	0	
4A2	29	29	18	62, 1	11	37 ,9	0	0	
5A1	29	29	24	82, 7	5	17 ,3	0	0	
5A2	27	27	16	59, 2	11	40 ,8	0	0	
Tổng g	151	150	103	68, 7	47	31 ,3	0	0	1KT

Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 179/179 đạt 100% (02 HSKT)

Học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học: 56/56, đạt 100%

Tổng số học sinh được khen thưởng: 149/233 đạt 63,9 (trong đó HTXS:74/ 233 đạt 31,6% HT tiêu biểu (Từng mặt): 75/233 đạt 32,2%)

(Toàn trường có 02HSKT học hòa nhập được đánh giá theo sự tiến bộ của trẻ và có sổ theo dõi riêng)

*** Các cuộc thi**

Kết quả thi chữ viết đẹp cấp trường

STT	Khối	Đạt giải				Ghi chú
		Nhất	Nhì	Ba	KK	
1	Khối 1	5	6	5	5	
2	Khối 2	5	6	5	2	
3	Khối 3	5	3	7	7	
4	Khối 4	8	10	6	10	
5	Khối 5	12	13	9	4	
6	Tổng	35	38	32	28	

Kết quả tham gia tiếng anh trên mạng cấp trường:

STT	Khối	Đạt giải				Ghi chú
		Nhất	Nhì	Ba	KK	
3	Khối 3	0	1	1	4	
4	Khối 4	3	5	3	8	
5	Khối 5	0	0	2	7	
6	Tổng	3	6	6	19	

Kết quả tham gia Trạng nguyên Tiếng việt cấp trường:

STT	Khối	Đạt giải				Ghi chú
		Nhất	Nhì	Ba	KK	
1	Khối 1	1	1	3	1	
2	Khối 2	0	0	1	3	
3	Khối 3	0	0	4	3	
4	Khối 4	1	7	10	2	
5	Khối 5	1	9	4	1	
6	Tổng	3	17	22	10	

Thamgia hội thi giải thể thao học sinh phổ thông lần thứ 2 năm 2025 tỉnh Điện Biên cấp huyện đạt 1 giải nhất, 2 giải nhì và 1 giải ba, cấp tỉnh 2 giải ba

Tham gia các cuộc thi: Ý tưởng trẻ thơ, An toàn giao thông, văn nghệ chào mừng ngày NGVN 20/11...

* Kết quả rèn luyện (Hạnh kiểm) Năm học 2024 – 2025:

* **Năng lực**

+ **Những năng lực chung**

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Tự chủ và tự học	Tốt	29	23	30	36	40	158
	%	74,4	67,6	62,5	64,3	71,4	67,8
	Đạt	10	11	18	20	16	75
	%	25,6	32,4	37,5	35,7	28,6	32,2
Giao tiếp và hợp tác:	Tốt	31	23	32	36	37	159
	%	79,5	67,6	66,7	64,3	66,1	68,2
	Đạt	8	11	16	20	19	74
	%	20,5	32,4	33,3	35,7	33,9	31,8
GQVĐ và sáng tạo	Tốt	27	24	31	39	38	159
	%	69,2	70,5	64,6	69,6	67,9	68,2
	Đạt	12	10	17	17	18	74
	%	30,8	29,5	35,4	30,4	32,1	31,8

Những năng lực đặc thù

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Ngôn ngữ	Tốt	31	24	31	44	53	183
	%	79,5	70,5	64,6	78,6	94,6	78,5
	Đạt	8	10	17	12	3	50
	%	20,5	29,5	35,4	21,4	5,4	21,5
Tính toán	Tốt	29	23	32	35	38	157
	%	74,4	67,6	66,7	62,5	67,9	67,4
	Đạt	10	11	16	21	18	76
	%	25,6	32,4	33,3	37,5	32,1	32,6
Khoa	Tốt	33	23	32	38	37	163
	%	84,6	67,6	66,7	67,9	66,1	70

học/ TNXH	Đạt	6	11	16	18	19	70
	%	13,4	32,4	33,3	32,1	33,9	30
Công nghệ	Tốt			29	36	40	105
	%			60,4	64,3	71,4	65,6
	Đạt			19	20	16	55
	%			49,6	35,7	28,6	34,4
Tin học	Tốt			28	38	38	104
	%			58,3	67,9	67,9	65
	Đạt			20	18	18	56
	%			41,7	32,1	32,1	35
Thẩm mỹ	Tốt	31	25	32	39	42	169
	%	79,5	73,5	66,7	69,6	75	72,5
	Đạt	8	9	16	17	14	64
	%	20,5	26,5	33,3	30,4	25	27,5
Thể chất	Tốt	31	24	32	37	40	164
	%	79,5	70,5	66,7	66,1	71,2	70,3
	Đạt	8	10	16	19	16	69
	%	20,5	29,5	33,3	33,9	28,8	29,7

* **Phẩm chất**

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Yêu nước	Tốt	39	34	44	51	52	220
	%	100	100	91,7	91,1	92,9	94,4
	Đạt	0	0	4	5	4	13
	%	0	0	8,3	8,9	7,1	5,6
Nhân ái	Tốt	33	26	45	53	42	199
	%	84,6	76,4	93,8	94,6	75	85,4
	Đạt	6	8	3	3	14	34
	%	15,4	23,6	6,2	5,4	25	14,6
Chăm chỉ	Tốt	31	29	31	35	40	166
	%	79,5	85,2	64,6	62,5	71,4	71,2

	Đạt	8	5	17	21	16	67
	%	20,5	14,8	35,4	37,5	28,6	28,8
Trung thực	Tốt	33	26	32	48	40	179
	%	84,6	76,4	66,7	85,7	71,4	76,8
	Đạt	6	8	16	6	16	52
	%	15,4	23,6	33,3	14,3	28,6	23,2
Trách nhiệm	Tốt	33	29	32	41	39	174
	%	84,6	82,3	66,7	73,2	69,6	74,7
	Đạt	6	6	16	15	17	60
	%	15,4	17,7	33,3	26,8	30,4	25,3

b2. Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS được lên lớp	HS không được lên lớp	HS được lên lớp	HS không được lên lớp
1	39	/	35	0
2	35	/	46	0
3	48	/	54	0
4	56	/	55	0
5	56	/	42	0
Tổng	235	/	235	0

d) *Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở; số lượng học sinh trúng tuyển vào trung học phổ thông:*

c1. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS được Công nhận HTCT	HS được Cấp bằng TN	HS được Công nhận HTCT	HS được Cấp bằng TN

1	39	/	35	/
2	35	/	46	/
3	48	/	54	/
4	56	/	55	/
5	56	56	42	42
Tổng	235	/56	235	42

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). Nhà trường không thực hiện.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

ĐVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024 (ước thực hiện)	Năm trước liền kề năm báo cáo (năm 2023)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Chi thường xuyên từ ngân sách	3.574.50	4.170.00
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí.		
2	Thu dịch vụ hoạt động sự nghiệp		
3	Thu tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		

I	Chi lương, thu nhập	3.424.500	3.957.00
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	30.000	93.000
1	Chi cho đào tạo, bồi dưỡng		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	120.00	120.00
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác	3.244.10	3.957.00
IV	Chi khác		
C			
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính		
2	Phân phối cho các quỹ		
3	Kinh phí cải cách tiền lương		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025 bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định của UBND tỉnh, huyện và phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Chương trình GDPT 2018) và thực hiện GDTH là giáo dục bắt buộc theo quy định Luật GD 2019.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng (quan tâm đặc biệt đối với giáo viên dạy môn Tiếng Anh), đảm bảo chất lượng

dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, CBQL theo chuẩn NN và chuẩn Hiệu trưởng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong trường tiểu học; phát huy tính chủ động, linh hoạt của trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học.

Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Chương trình GDPT 2018) từ lớp 1 đến lớp 5; tăng cường đảm bảo an toàn trường học; thực hiện hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục cấp tiểu học.

Thực hiện công tác kiểm tra theo thẩm quyền việc khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, tình hình tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất Thực hiện nghiêm túc chương trình GDPT, chủ động linh hoạt và hoàn thành nhiệm vụ.

Duy trì tốt sĩ số HS ở các khối lớp, đảm bảo tỷ lệ đầu vào và đầu ra tương xứng, coi đây là một khâu hết sức quan trọng, then chốt của công tác chuyên môn trong năm học.

Duy trì số lượng học sinh đi học đạt tỷ lệ chuyên cần từ 98,0% trở lên. Duy trì số lượng cuối năm đạt 100%.

Về phẩm chất, năng lực: Tích cực xây dựng nề nếp, kỷ cương, tăng cường cuộc vận động giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh. Phần đầu 100% học sinh được đánh giá từ đạt trở lên, trong đó Phẩm chất tốt trên 90,0%; Năng lực tốt 60,0% trở nên.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục: Tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn theo hướng thực chất và bền vững.

Phát huy mạnh vai trò nòng cốt của các tổ chuyên môn trong công tác quản lý và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, chuyên môn - nghiệp vụ cho GV.

Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý hoạt động chuyên môn trong năm học.

Duy trì bên vững PCGDTH mức độ 3, PCXMC mức độ 2.

Duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn trong Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Huy động tối đa các nguồn lực từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nhà trường như GVCN, Đội TN, Hội phụ huynh để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tăng cường tham mưu với lãnh đạo các cấp nhằm tăng cường cơ sở vật chất.

2. Chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

2.1. Công tác tư tưởng chính trị, thi đua

* Mục tiêu:

Tích cực xây dựng đội ngũ đoàn kết, tương thân tương ái cùng giúp đỡ nhau tiến bộ. Giáo dục học tập và làm theo tấm gương của Bác.

Quản triệt trong đội ngũ thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên phát triển; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo. Thực hiện các quy định về những hành vi giáo viên không được làm theo Điều 38 của Điều lệ trường Tiểu học, chỉ tiêu phấn đấu cụ thể:

* Đối với cá nhân:

- + Đạt LĐTT: 17/17 đạt 100%,
- + Đạt chiến sĩ thi đua cơ sở: 06/17, đạt 35,3%,
- + Giấy khen của UBND huyện: 04/17, đạt 23,5%,
- + Bằng khen của UBND tỉnh: 02/17, đạt 11,8%.

* Đối với tập thể:

- + Chi bộ: HTTNV
- + Nhà trường đạt: Tập thể LĐTT đề nghị UBND huyện tặng giấy khen.
- + Công đoàn: Vững mạnh đề nghị LĐLĐ huyện tặng giấy khen
- + Liên Đội TNTPHCM: Vững mạnh Xuất sắc đề nghị HĐĐ tỉnh tặng bằng khen

* Nhiệm vụ:

Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức quán triệt trong đội ngũ thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm Pháp luật và đạo đức nhà giáo. Thực hiện các quy định về những hành vi GV không được làm theo Điều 38 của Điều lệ trường Tiểu học.

VCQL, GV, NV phải gương mẫu thực hiện và chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, luôn luôn học tập nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị, nắm vững nội dung Luật giáo dục, Điều lệ trường Tiểu học, Nghị quyết, các Chỉ thị cấp trên.

* Giải pháp:

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch công tác chính trị tư tưởng, các cuộc vận động và ra Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

VCQL, GV, NV phải tự học tự rèn để nâng cao trình độ tay nghề, hàng ngày truy cập Internet để đọc báo như báo Pháp luật, báo an ninh...đồng thời theo dõi tin thời sự qua đài truyền thanh, truyền hình.

Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; các văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các cấp, Ngành giúp đội ngũ thấm nhuần các cuộc vận động lớn do ngành phát động. Thực hiện tốt dân chủ hóa trong trường

học, công khai toàn bộ kế hoạch hoạt động của nhà trường, tổ chức Hội nghị viên chức đầu năm để đội ngũ biết, tham gia góp ý và thực hiện.

2.2. Huy động duy trì số lượng HS, Phổ cập GDTH, XMC

* Mục tiêu:

- Huy động trẻ em đúng 6 tuổi trên địa bàn ra lớp 1: 41/41 đạt tỷ lệ 100%
- Huy động 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp (kể cả HS khuyết tật)
- Hoàn thành chương trình lớp học: 180/180 đạt tỷ lệ 100% (02 KTHN)
 - HS lớp 5 hoàn HTCTTH: 56/56 tỷ lệ 100%
 - Trẻ 11-14 tuổi HTCT Tiểu học đạt tỷ lệ 100%

- Duy trì giữ vững PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2

* Nhiệm vụ:

- Tiếp tục có biện pháp phối hợp với các ban ngành, đoàn thể để thực hiện tốt việc huy động và duy trì số lượng học sinh trong độ tuổi ra lớp.
- Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng PCGDTH; hạn chế thấp nhất số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học; duy trì và nâng cao hiệu suất Đào tạo.
 - Bộ phận phụ trách công tác phổ cập nắm chắc số trẻ 6 tuổi ở địa bàn theo phiếu điều tra và danh sách trẻ 5 tuổi học Mẫu giáo.

* Giải pháp:

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho GV, NV và nhân dân về thực hiện nhiệm vụ PCGDTH - XMC.
 - Tham mưu cho Ban chỉ đạo cấp thị trấn xây dựng chương trình, kế hoạch, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và triển khai trên địa bàn thị trấn về công tác phổ cập.
- Phối kết hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, với phụ huynh để làm tốt công tác huy động học sinh và đảm bảo tỉ lệ chuyên cần hàng ngày cao.
- Tăng cường công tác quản lý chỉ đạo, công tác kiểm tra đôn đốc, giám sát và theo dõi tiến trình thực hiện kế hoạch phổ cập của nhà trường.

2.3. Chất lượng giáo dục học sinh:

2.3.1. Mục tiêu:

* Năng lực

- Năng lực chung

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Tự chủ và	Tốt	30	22	34	33	36	155
	%	73,2	64,7	69,4	58,9	64,3	65,7
	Đạt	11	12	15	23	20	81

tự học	%	17,8	35,3	30,6	41,1	35,7	34,3
Giao tiếp và hợp tác	Tốt	30	24	37	36	37	164
	%	73,2	70,6	75,5	64,3	66,1	69,5
	Đạt	11	10	12	20	19	72
	%	17,8	29,4	24,5	35,7	33,9	30,5
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	27	23	31	31	35	147
	%	65,9	67,6	63,3	55,4	62,5	62,3
	Đạt	14	11	18	25	21	89
	%	34,1	32,4	36,7	44,6	37,5	37,7

- Năng lực đặc thù:

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Ngôn ngữ	Tốt	27	25	34	34	44	164
	%	65,9	73,5	69,4	60,7	78,6	69,5
	Đạt	14	9	15	22	12	72
	%	34,1	26,5	30,6	39,3	21,4	30,5
Tính toán	Tốt	28	22	35	30	40	115
	%	68,3	64,7	71,4	53,6	71,4	48,7
	Đạt	13	12	14	26	16	81
	%	31,7	35,3	28,6	46,4	28,6	34,3
TNXH (Khoa học)	Tốt	27	25	37	32	41	162
	%	65,9	73,5	75,5	57,1	73,2	68,6
	Đạt	14	9	12	24	15	74
	%	34,1	26,5	24,5	42,9	26,8	31,4
	Tốt			35	31	33	99

Công nghệ	%			71,4	55,4	58,9	61,5
	Đạt			14	25	23	62
	%			28,6	44,6	41,1	38,5
Tin học	Tốt			38	26	31	95
	%			77,6	46,4	55,4	59,0
	Đạt			11	30	25	66
	%			22,4	53,6	44,6	41,0
Thẩm mĩ	Tốt	25	24	39	27	34	149
	%	61	70,6	79,6	48,2	60,7	63,1
	Đạt	16	10	10	29	22	87
	%	39	29,4	20,4	51,8	39,3	36,9
Thể chất	Tốt	29	23	38	29	34	153
	%	70,7	67,6	77,6	51,8	39,3	64,8
	Đạt	12	11	11	27	22	83
	%	29,3	32,4	22,4	48,2	41,1	35,2

* **Phẩm chất**

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Yêu nước	Tốt	41	34	45	53	56	229
	%	100	100	91,8	94,6	100	97,0
	Đạt	0	0	4	3	0	7
	%	0	0	8,2	5,4	0	3,0
Nhân ái	Tốt	33	29	39	48	50	199
	%	80,5	85,3	79,6	85,7	89,3	84,3
	Đạt	8	5	10	8	6	37
	%	19,5	14,7	20,4	14,3	10,7	15,7
Chăm chỉ	Tốt	30	26	33	43	45	177
	%	73,2	76,5	67,3	76,8	80,4	75,0
	Đạt	11	8	16	13	11	59
	%	26,8	23,5	32,7	23,2	19,6	25,0

Trung thực	Tốt	33	28	37	48	46	192
	%	80,5	82,4	75,5	85,7	82,1	81,4
	Đạt	8	6	12	8	10	44
	%	19,5	17,6	24,5	14,3	17,9	18,6
Trách nhiệm	Tốt	33	27	34	48	50	192
	%	80,5	79,4	69,4	85,7	89,3	81,4
	Đạt	8	7	15	8	6	44
	%	19,5	20,6	30,6	14,3	10,7	18,6

* Học tập

Kh ối	HS ĐG	Xuất sắc		HTT		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	S L	%	
1	41	9	22	17	41,5	15	36,5	0	0	
2	34	8	23,4	13	38,2	13	38,2	0	0	1KT
3	49	13	26,5	10	20,4	26	53,1	0	0	
4	56	13	23,2	19	33,9	24	42,9	0	0	1KT
5	56	17	30,4	22	39,3	17	30,3	0	0	
Tổng	236	60	25,4	81	34,3	95	40,3	0	0	2KT

* Môn Tiếng Anh:

Khối	TS HS	TS HS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	

3	49	49	18	36,7	31	63,3	0	0	
4	57	56	22	39,3	34	60,7	0	0	1KT
5	56	56	21	37,5	35	62,5	0	0	
Tổng	162	161	61	37,9	100	62,1	0	0	1KT

* Môn Tin học:

Khối	TS HS	TS HS xếp loại	HTT		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	S L	%	S L	%	
3	49	49	18	36,7	31	63,3	0	0	
4	57	56	26	46,4	30	53,6	0	0	1KT
5	56	56	27	48,2	29	51,8	0	0	
Tổng	162	161	71	44,1	90	55,9	0	0	1KT

* Môn Công nghệ:

Kh ối	TSHS	HS xếp p loạ i	HTT		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	
3	49	49	16	32,7	33	67,3	0		

4	57	56	31	55,4	25	44,6	0		
5	56	56	29	51,8	27	48,2	0		
Tổng	162	161	76	47,2	85	52,8	0		

* Tỷ lệ học sinh viết chữ đẹp:

Khối	TS H S	HSX L	Xếp loại A		Xếp loại B		Xếp loại C		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	
Khối 1	41	41	20	48,8	15	36,6	6	14,6	
Khối 2	35	34	17	50	12	35,3	5	14,7	
Khối 3	49	49	25	51	17	34,7	7	14,3	
Khối 4	57	56	29	51,8	23	41,1	4	7,1	
Khối 5	56	56	32	57,1	24	42,9	0	0	
Tổng	238	236	123	52,1	91	38,6	22	9,3	

* Hoàn thành chương trình lớp học: 180/180 HS, đạt 100%; KTHN: 02

* Hoàn thành chương trình tiểu học: 56/56 HS, đạt 100%

* Số học sinh được khen thưởng: 135/236 đạt 57,2%:

Xuất sắc: 60 đạt 25,4%

Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 75/236 đạt 31,8%

- HS đạt danh hiệu CNBH: 231/236 đạt 97,8%

* Học sinh có năng khiếu về Âm nhạc: 38/236 đạt 16,1%

* Học sinh có năng khiếu về Mỹ thuật: 37/236 đạt 15,7%

* Học sinh có năng khiếu về Giáo dục thể chất (Thể dục): 44/236 đạt 18,6%

* Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 9/9 đạt 100%

2.3.3. Tổ chức và tham gia các hội thi của học sinh

* Thi giải Toán trên mạng:

Cấp thi	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Cấp trường	11	8	11	16	23	69
Cấp huyện	8	6	9	10	13	46
Cấp tỉnh	5	3	5	0	0	13
Cấp Quốc gia	0	0	0	0	0	0

* Thi Olympic Tiếng Anh:

Cấp thi	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Cấp trường	11	11	15	37
Cấp huyện	8	7	8	23
Cấp tỉnh	2	5	5	12
Cấp Quốc gia	0	2	1	3

* Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt:

Cấp thi	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Cấp trường (Sơ khảo)	11	9	13	17	24	74
Cấp huyện (Thi Hương)	9	7	10	14	15	55
Cấp tỉnh (Thi Hội)	6	4	7	6	7	30
Cấp Quốc gia (Thi Đình)	0	0	0	3	4	7

* Nhiệm vụ:

- Học tập:

+ Thực hiện dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, trên cơ sở chuẩn kiến thức kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh theo từng khối lớp, giáo viên chủ động phân loại đối tượng học sinh để tổ chức hướng dẫn học sinh tự học cá nhân, học cặp đôi, thảo luận nhóm, áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy nhằm hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học nhẹ nhàng, hiệu quả.

+ Bồi dưỡng học sinh năng khiếu: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh ngay từ đầu năm học. Thành lập đội tuyển mũi nhọn về các môn Toán, Tiếng Việt. Đội tuyển thi giải Toán, Tiếng Anh trên mạng. Tuyển chọn đội năng khiếu theo các môn: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục. Bồi dưỡng và thành lập các đội năng khiếu của trường.

- **Năng lực:** Hình thành cho các em các năng lực:

+ Tự phục vụ, tự quản: có ý thức tự phục vụ, chuẩn bị đủ và biết giữ gìn sách vở, đồ dùng học tập, tự tham gia và chấp hành sự phân công của trường, lớp.

+ Giao tiếp hợp tác: có sự tiến bộ khi giao tiếp, nói to, rõ ràng hỏi thầy cô khi không hiểu bài, tích cực giúp đỡ bạn cùng học tập tốt.

+ Tự học và giải quyết vấn đề: Biết tự học tự hoàn thành nhiệm vụ học tập, biết tự đặt câu hỏi và tìm tòi câu trả lời.

- **Phẩm chất:** Đảm bảo các nội dung sau

Yêu nước: Yêu thiên nhiên, di sản, yêu người dân đất nước mình; tự hào và bảo vệ thiên nhiên di sản, con người.

Nhân ái: Nhân ái là biết yêu thương, đùm bọc mọi người; yêu cái đẹp, yêu cái thiện; tôn trọng sự khác biệt; cảm thông, độ lượng và sẵn lòng giúp đỡ người khác.

Chăm chỉ: Đức tính chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia công việc của tập thể. Vượt khó trong công việc.

Trung thực: Tôn trọng lễ phép, lên án sự gian lận, thật thà ngay thẳng trong học tập và làm việc.

Trách nhiệm: Bảo vệ bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, môi trường. Không đổ lỗi cho người khác.

*** Giải pháp**

- **Học tập:**

Tổ chức họp phụ huynh HS để thông qua chỉ tiêu, phương hướng hoạt động của lớp và của nhà trường để phụ huynh phối kết hợp trong việc giáo dục HS và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Làm tốt công tác giáo dục liên kết giữa 3 môi trường: Nhà trường - Gia đình - Xã hội tạo một môi trường GD khép kín.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu Tiếng việt để lôi cuốn thu hút học sinh tham gia, xem băng hình những gương người tốt việc tốt, phê phán những thói hư tật xấu để giáo dục học sinh.

Chỉ đạo giáo viên nhắc nhở học sinh sử dụng SGK theo thời khóa biểu, tránh quá tải về sách bài tập và sách tham khảo.

Có kế hoạch mở lớp bồi dưỡng, phụ đạo HS. Cử chọn những GV có trình độ chuyên môn vững vàng có kiến thức, có trách nhiệm bồi dưỡng HS năng khiếu.

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục trên lớp; tăng cường tổ chức thực hành, trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục áp dụng một cách phù hợp mô hình trường học mới Việt Nam; tiếp tục triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột; dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới, phương pháp

Sơ đồ tư duy, trò chơi học tập, đóng vai, trải nghiệm môn học...; đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục môi trường, quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo; biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, kỹ năng sống, đạo đức Hồ Chí Minh, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV/AIDS, văn hoá dân tộc (Tuyên truyền phổ biến công tác xây dựng Bản du lịch cộng đồng Bản Lồng- xã Toả tình...) vào các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo hợp lý, nhẹ nhàng, hiệu quả.

- Năng lực: Thường xuyên tổ chức học nhóm trong lớp; chú trọng công tác tự quản; Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các buổi sinh hoạt tập thể; tham gia tích cực các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ do lớp và nhà trường tổ chức; Tổ chức các cuộc thi “Thuyết trình giỏi” do Đội thiếu niên đảm nhiệm.

- Phẩm chất: Giáo dục học sinh thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy; tuyên truyền giáo dục đạo đức học sinh qua các tấm gương sáng; giáo dục truyền thống tốt đẹp của gia đình, quê hương, đất nước; Nêu gương học sinh có tinh thần trách nhiệm trước tập thể.

2.4. Chất lượng đội ngũ

* Mục tiêu:

- **Xếp loại VCQL theo chuẩn Hiệu trưởng:**

Tốt: 01/01 đạt 100%

Khá: 0/01 chiếm 0%

- Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học:

Tốt: 13/13 đạt 100%

Khá: 0/13 đạt 0%

Đạt: 0/13 chiếm 0%

- Xếp loại Viên chức theo Nghị định 90/2020: 17/18 (01 HĐ ngắn hạn không xếp loại)

Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ: 3/17 đạt 17,6%

Hoàn thành Tốt nhiệm vụ: 14/17 đạt 82,4%

Hoàn thành nhiệm vụ: 0/17 chiếm 0%

- Xếp loại bồi dưỡng thường xuyên:

Cán bộ quản lý xếp loại Đạt: 01/01, đạt 100%

Giáo viên xếp loại Đạt: 13/13, đạt 100%

- Giáo viên giỏi các cấp:

Cấp trường: 13/13 đạt 100%, trong đó:

Cấp huyện: 4/13 đạt 30,8%(N.Phương, Huệ, Nhung, Lan).

Cấp tỉnh: 03/13 đạt 23,1% (Liên, Hương, Tranh).

Số GV có sáng kiến công nhận cấp huyện 06/13 đạt 46,2%

- Chất lượng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh:

BGH: Tốt 01/01 đạt 100%; Khá: 0/01, đạt 0%

Tổ trưởng: Tốt 2/2 đạt 100%; Khá: 0/2, đạt 0%

Giáo viên: Tốt 13/13 đạt 100%; Khá: 0/13 đạt 0%

* Nhiệm vụ:

- Phân đấu chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT. Chuẩn giáo viên theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT.

- Có kế hoạch xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Chú trọng bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu của các cấp.

- Triển khai thực hiện tốt công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học được ban hành theo Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Quy chế bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý tiểu học ban hành theo Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/7/2019; Công tác sinh hoạt chuyên môn quy định tại Văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Bồi dưỡng có trọng tâm, tập trung vào các vấn đề mới, những vấn đề thực tiễn đội ngũ đang gặp khó khăn; đảm bảo tính kế thừa và tính hệ thống giữa những nội dung bồi dưỡng.

- Triển khai kế hoạch cụ thể, quy định về hồ sơ kịp thời, khoa học.

- Triển khai giáo dục STEM cấp tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông, hướng dẫn giáo viên tổ chức dạy học STEM, sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ Website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

- Quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ:

Thực hiện nghiêm túc các bước tiến hành quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ theo công văn hướng dẫn của cấp trên.

* Giải pháp:

- Tổ chức triển khai quán triệt sâu sắc trong đội ngũ VCQL và GV nắm vững yêu cầu, mục đích cũng như quá trình thực hiện tự đánh giá theo chuẩn Hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học một cách thật sự nghiêm túc. Nhà trường tổ chức cho mỗi cá nhân thực hiện tốt khâu tự đánh giá theo quy trình vào cuối năm. Tạo điều kiện bồi dưỡng để nhằm hoàn thiện và đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện chương trình GDPT mới, *dạy học phân loại đối tượng học sinh, dạy học theo hướng phát triển năng lực.*

- Triển khai giáo dục STEM cấp tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông thông qua sinh hoạt chuyên môn trường, tổ, trong quá trình giảng dạy học.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện nghiêm túc Ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn bài đối với những giáo viên được phép soạn bài trên máy tính. Giáo án soạn theo mẫu quy định chung toàn trường. Sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ đảm bảo có chất lượng hiệu quả, thực hiện tốt các chuyên đề từ cấp tổ đến cấp trường.

- Tiếp tục nghiên cứu và tổ chức thi GVĐG cấp trường theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019; phát huy tính sáng tạo của giáo viên trong việc thực hiện phương pháp dạy học mới theo chuẩn kiến thức kỹ năng quy định.

- Phân loại GV theo trình độ CM, khả năng của từng giáo viên kết hợp với thực lực chuyên môn. Mỗi tổ chuyên môn xây dựng đội ngũ GV cốt cán làm nòng cốt của tổ. Những GV cốt cán này có nhiệm vụ bồi dưỡng các thành viên của tổ.

- Tăng cường công tác kiểm tra dự giờ đột xuất, thường xuyên để đánh giá chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh. Bồi dưỡng kịp thời những GV còn hạn chế về CM nghiệp vụ qua các chuyên đề tổ, trường tư vấn thúc đẩy kịp thời.

- Tổ chức đánh giá thi đua cuối năm và xếp loại giáo viên theo các tiêu chí chuẩn; Triển khai thực hiện tốt công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học được ban hành theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019; Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý ban hành theo Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 1/11/2019 và Quy chế bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý ban hành theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019.

* Tranh thủ sự quan tâm của chi bộ, công tác phối hợp với công đoàn và các đoàn thể trong nhà trường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho viên chức nắm vững nội dung, nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa của chính sách tinh giản biên chế và trách nhiệm của mình trong việc tổ chức thực hiện.

* Chủ động rà soát quy hoạch cán bộ. Tổ chức đánh giá VCQL, giáo viên tham gia quy hoạch.

2.5. Cơ sở vật chất, thiết bị, SGK:

* Mục tiêu:

- 100% học sinh có đủ sách giáo khoa để học tập.
- 100% giáo viên mượn và sử dụng hiệu quả đồ dùng, thiết bị dạy học.
- 100% học sinh các lớp tham gia đọc sách ở thư viện; các lớp tham gia ngày hội đọc sách.
- 100% lớp học có đủ lớp học, bàn ghế, trang trí đúng quy định.
- Phấn đấu xây dựng Thư viện tiên tiến, phòng thiết bị đảm bảo khoa học, sạch sẽ, gọn gàng và hiệu quả.
- 100% học sinh giữ và sử dụng tốt sách giáo khoa và đồ dùng học tập.

* Nhiệm vụ:

- Sách: SGK Chương trình GDPT 2018 - Bộ sách Kết nối tri thức.
- Nhà trường xây dựng tủ sách dùng chung; bảo đảm ngay từ khi bước vào năm học tất cả học sinh đều có sách giáo khoa để học tập. Giáo viên cần hướng dẫn sử dụng sách, vở hàng ngày

để các em không phải mang theo nhiều sách, vở khi tới trường; sử dụng có hiệu quả sách và tài liệu của thư viện.

- *Thư viện:*

+ Thực hiện có hiệu quả tiết đọc sách thư viện để giới thiệu sách đến tất cả giáo viên và học sinh.

+ Thực hiện mô hình “thư viện xanh”, “thư viện thân thiện”,...phù hợp điều kiện thực tế. Rèn luyện học sinh có thói quen và yêu thích đến thư viện, xây dựng văn hóa đọc bằng nhiều hình thức phong phú.

+ Sắp xếp sách, thiết bị ngăn nắp khoa học theo danh mục để dễ tìm. Có đủ danh mục thiết bị, SGK, sách tham khảo.

+ Rèn luyện học sinh có thói quen và yêu thích đến thư viện, xây dựng văn hóa đọc (bằng nhiều hình thức phong phú).

- *Thiết bị dạy học:*

+ Bảo đảm thiết bị và đồ dùng dạy học theo yêu cầu tối thiểu.

+ Có kế hoạch sửa chữa, đề nghị trang cấp bổ sung kịp thời theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

+ Có sổ sách theo dõi, ghi nhận số lần sử dụng các thiết bị dạy học.

+ Tích cực làm mới các đồ dùng dạy học bằng vật liệu sẵn có.

+ Bảo quản tốt và sử dụng hiệu quả đàn Piano kỹ thuật số trong giờ học âm nhạc và các hoạt động giáo dục khác.

* *Giải pháp:*

- Kiện toàn tổ thư viện, nhân viên phụ trách thư viện nghiên cứu và xây dựng kế hoạch thực hiện. Sắp xếp sách ngăn nắp, thư viện luôn sạch sẽ, thu hút GV, NV, HS thường xuyên đến đọc sách. Tuyên truyền phong trào “Giữ và sử dụng hiệu quả sách giáo khoa”.

- Hiệu trưởng nghiên cứu việc sử dụng sách, tài liệu tham khảo để hướng dẫn cho GV thực hiện.

- Nhân viên phụ trách thiết bị rà soát và đề nghị cấp bổ sung trang bị thiết bị đảm bảo theo danh mục qui định tại Thông tư của BGDDT; đồng thời có biện pháp quản lý, sử dụng hạn chế hư hao, mất mát.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng CSVC để kịp thời bổ sung, đảm bảo mỗi khối lớp đều có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

2.6. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn Quốc gia

* *Mục tiêu:*

Duy trì và nâng cao 5 tiêu chuẩn và 27 tiêu chí trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Thông tư số: 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, Thông tư Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học.

* *Nhiệm vụ:*

- Nâng cao chất lượng dạy và học, thu thập các minh chứng, tu sửa lại cơ sở vật chất,... Đưa công tác kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia trở thành hoạt động thường xuyên, xuyên suốt trong năm học.

- Xây dựng cảnh quan môi trường, trang trí lớp học và tổ chức các hoạt động giáo dục. Nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu về chất lượng của trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.

- Quan tâm rà soát các tiêu chí để có giải pháp kịp thời.

* Giải pháp:

- Hiệu trưởng tiếp tục triển khai Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT tới toàn thể GV, NV, PHHS.

- Tiếp tục duy trì việc tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, rà soát lại các hồ sơ của từng tiêu chuẩn từ đầu năm học và phân công cho từng bộ phận cá nhân phụ trách hồ sơ từng tiêu chuẩn cụ thể, có trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung đầy đủ, đúng quy định.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc ra đề, coi, chấm bài các lần kiểm tra định kỳ theo đúng văn bản hướng dẫn.

- Tổ chức thực hiện nghiệm thu và bàn giao chất lượng học sinh từ khối lớp dưới lên lớp trên một cách nghiêm túc và trách nhiệm.

- GVCN lớp nên tạo môi trường thân thiện, làm sao thu hút trẻ đến trường, đến lớp để giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban.

- Tích cực huy động công tác xã hội hoá giáo dục nhằm tăng cường và dần hoàn thiện về CSVC, mối quan nhà trường.

- Khuyến khích VCQL, giáo viên, nhân viên học thêm các khóa học ngoại ngữ (tiếng Anh) để đáp ứng theo quy định của tiêu chí.

Chú trọng khâu lưu trữ hồ sơ và quan tâm cải tạo thư viện nhà trường.

2.7. Công tác kiểm tra nội bộ

* Mục tiêu:

- 100% giáo viên, nhân viên được kiểm tra việc chấp hành theo các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, hiến pháp pháp luật của Nhà nước.

- 100% GV được kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy chế chuyên môn; được thăm lớp, dự giờ, kiểm tra hồ sơ; được kiểm tra công tác chủ nhiệm.

- 100% GV được kiểm tra việc UDCNTT vào dạy học; được kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp.

- 100% giáo viên được kiểm tra việc đổi mới đánh giá HS theo Thông tư 27/TT-BGDĐT

- 100% tổ chuyên môn và các bộ phận trong nhà trường được kiểm tra.

* Nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra theo tuần, tháng, kỳ, năm theo tổ chuyên môn.

- Thường xuyên thăm lớp dự giờ, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, đánh giá xếp loại giáo viên theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Triển khai kịp thời các công văn, văn bản chỉ đạo của cấp trên. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trường học.

*** Giải pháp**

- Kiện toàn Ban Kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025.

- Xây dựng kế hoạch, nội dung kiểm tra, phân công cụ thể các thành viên trong Ban kiểm tra. Thực hiện kiểm tra đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Tăng cường thăm lớp, dự giờ để phát hiện, điều chỉnh những việc chưa hợp lý và tuyên dương những cá nhân, tập thể tích cực, sáng tạo.

2.8. Công tác của các bộ phận trong nhà trường

2.8.1. Văn thư hành chính:

*** Mục tiêu:**

- 100% các công văn đi, đến được cập nhật đầy đủ, kịp thời đúng yêu cầu của công tác văn thư.

- Lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

*** Nhiệm vụ:**

- Cập nhật, lưu công văn đi, đến theo quy định (theo sổ sách, trên máy vi tính).

- Sắp xếp công văn khoa học, ngăn nắp dễ tìm.

- Cập nhật hồ sơ đầy đủ, chính xác.

- Bảo quản tốt các loại hồ sơ của nhà trường.

*** Giải pháp:**

- Cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ các yêu cầu của từng loại theo qui định.

- Nhân viên phụ trách Văn thư phải chịu trách nhiệm về hồ sơ đi, đến.

2.8.2. Y tế học đường:

*** Mục tiêu:**

- Thực hiện BHYT bắt buộc 100% học sinh tham gia (theo Luật Y tế); BHYT theo tinh thần tự nguyện của cha mẹ học sinh trên 80,0% học sinh tham gia.

- 100% HS được theo dõi sức khỏe theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT. Thực hiện nghiêm túc nội dung “Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân”.

- 100% học sinh được uống thuốc tẩy giun và tiêm phòng các loại dịch bệnh.

- Tuyên truyền, tích cực phòng, chống dịch bệnh theo mùa.

*** Nhiệm vụ:**

- Đăng ký khám sức khỏe ban đầu cho học sinh.

- Thành lập ban sức khỏe trong trường học. Xây dựng tủ thuốc cho học sinh.

- Tổ chức sinh hoạt cho các em những hiểu biết cơ bản về các bệnh học đường như cận thị, cong vẹo cột sống, béo phì, các bệnh hay lây: đau mắt, quai bị, Rubella, bệnh tay, chân, miệng; sốt xuất huyết; tuyên truyền về HIV/AIDS...

- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân (có biên bản cụ thể cho các lần kiểm tra).

* Giải pháp:

- Kiện toàn Ban sức khỏe trong trường học.
- Xây dựng tủ thuốc sơ cấp cứu cho học sinh.
- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân.
- Giáo dục HS ý thức giữ gìn vệ sinh chung cũng như vệ sinh cá nhân.
- Giáo dục nha học đường cho học sinh theo kế hoạch đề ra.
- Vận động học sinh tham gia BHTT qua việc tuyên truyền lợi ích của Bảo hiểm.
- Nhân viên Y tế xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể.

2.8.3. Tài chính, kế toán:

* Mục tiêu:

Các chế độ chính sách của VCQL, giáo viên, nhân viên và học sinh được thực hiện thanh toán đúng quy định, kịp thời. Thực hiện nghiêm túc Đề án 06 (Việc chi trả chế độ cho học sinh chuyển qua tài khoản theo quy định).

* Nhiệm vụ:

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của VCQL, giáo viên, nhân viên và học sinh.
- Xây dựng dự toán kinh phí, quyết toán theo đúng chế độ quy định, chính xác.
- Báo cáo tăng, giảm biên chế nhân sự theo quy định. Cập nhật sổ sách, chứng từ thu, chi đúng quy định. Thực hiện chi tiêu theo kế hoạch năm 2024 và lập kế hoạch chi tiêu nội bộ theo quy định.

* Giải pháp:

- Nhân viên kế toán và nhân viên kiêm nhiệm công tác thủ quỹ thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tài chính.
- Cập nhật chứng từ thu, chi, hóa đơn đúng với quy định tài chính.

2.9. Công tác của các đoàn thể trong nhà trường

2.9.1. Công đoàn:

* Mục tiêu:

- 100% ĐVCD-NLĐ thực hiện tốt về an toàn giao thông.
- 100% ĐVCD-NLĐ thực hiện tốt về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,
- 100% ĐVCD-NLĐ thực hiện đúng các chủ trương, đường lối, chính sách của đảng và Nhà nước đề ra và vận động tập thể luôn đoàn kết, thương yêu nhau, giúp nhau cùng tiến bộ thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM”.
- 100% ĐVCD-NLĐ đạt ĐVCDXS đề nghị các cấp khen thưởng.
- Tập thể công đoàn vững mạnh Xuất sắc đề nghị LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen.

* Nhiệm vụ:

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05/CT về cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh”.

- Tiếp tục thực hiện sâu rộng cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở với phương châm “Sống có trách nhiệm”, “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- Thực hiện có hiệu quả các Chương trình hoạt động của Công đoàn.

- Bồi dưỡng và giới thiệu cho Đảng những đoàn viên ưu tú để tổ chức Đảng xem xét kết nạp.

- Tiếp tục thực hiện tốt các cuộc vận động của ngành.

*** Giải pháp:**

- Vận động ĐVCD-NLĐ thực hiện đúng các chủ trương, đường lối, chính sách của đảng và Nhà nước đề ra và vận động tập thể luôn đoàn kết, thương yêu nhau, giúp nhau cùng tiến bộ thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

- Thường xuyên sinh hoạt trong đội ngũ về chủ đề tư tưởng năm học “*Sống có trách nhiệm*” và cuộc vận động “*Hai không*” với 4 nội dung “*Nói không với tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục, nói không vi phạm đạo đức nhà giáo, nói không với việc cho học sinh ngồi nhầm lớp*”.

2.9.2. Đội TNTPHCM

*** Mục tiêu:**

- 100% đội viên, nhi đồng thực hiện tốt chủ đề của Đội và Phong trào thiếu nhi trong năm học.

- 100% đội viên, học sinh hỗ trợ các bạn nghèo vượt khó, vui Tết...

- Tham gia đầy đủ các phong trào do Liên đội tổ chức.

- Chỉ tiêu kết nạp đội viên, các danh hiệu thi đua của đội viên:

+ Chỉ tiêu kết nạp đội viên: 100% HS lớp 3 được kết nạp vào đội.

+ Liên Đội vững mạnh đề nghị HĐ Đội tỉnh tặng Bằng khen.

+ 98,0% trở nên Đội viên, nhi đồng đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ.

*** Nhiệm vụ:**

- Thực hiện chương trình hành động của Đội thiếu niên, sao nhi đồng.

- Hoạt động theo Điều lệ và kế hoạch hoạt động Đội do đoàn cấp trên đề ra dưới sự chỉ đạo của BGH, Tổng phụ trách Đội, các anh chị phụ trách thực hiện theo các cuộc thi, các phong trào thi đua. Đa dạng hóa các loại hình học tập. Mở rộng mô hình câu lạc bộ học tập. Tổ chức các cuộc thi năng khiếu. Làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ phụ trách sao nhi...

- Thực hiện chủ đề năm học:

“Thiếu nhi Việt Nam

Vâng lời Bác dạy

Tự hào truyền thống

Tiếp bước cha anh”

- Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào ngoại khóa như: thăm gia đình liệt sĩ, hỗ trợ và chăm sóc di tích lịch sử ở địa phương, tổ chức tìm hiểu về các ngày lễ lớn trong năm, đặc biệt hưởng ứng nghiêm túc “*Tháng an toàn giao thông tháng 9/2024*” và xuyên suốt cả năm học.

*** Giải pháp:**

- Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo và kế hoạch hoạt động Đội.

- Tổ chức tốt Lễ phát động Chủ đề của Đội, Lễ phát động Tháng an toàn giao thông tháng 9/2024 trong GV, HS. Kết hợp cùng GVCN tổ chức cho học sinh, CMHS ký cam kết thực hiện về An toàn giao thông.

- Sinh hoạt đầu tuần thường xuyên có chất lượng và hiệu quả cao. Các hình thức sinh hoạt phong phú giúp học sinh có kỹ năng sống qua các câu chuyện kể về Bác Hồ, tiểu phẩm về an toàn giao thông...

Thực hiện tốt chủ đề Hoạt động Đội và Phong trào thiếu nhi năm học 2024-2025.

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào ngoại khóa, tham quan học tập, tổ chức các phong trào thi đua trong học sinh nhân các ngày lễ lớn.

Đảm bảo tốt các chương trình phong trào của Đội, tăng cường việc sinh hoạt dưới cờ hàng tuần với những nội dung cụ thể theo từng chủ điểm.

Tổ chức các hoạt động Đội thường xuyên liên tục tại tất cả các điểm bản, mỗi giáo viên chủ nhiệm là một người phụ trách.

Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo và kế hoạch hoạt động Đội.

2.9.3. Hội khuyến học

*** Mục tiêu:**

- 100% Đoàn viên công đoàn trong nhà trường tham gia các hoạt động của hội khuyến học Thị trấn, của huyện.

- Học sinh tích cực tham gia chương trình ủng hộ bạn nghèo vượt khó.

*** Nhiệm vụ:**

Hoạt động theo Hướng dẫn số 122/HD-KHVN ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Hội Khuyến học Việt Nam hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam (Điều lệ sửa đổi).

*** Giải pháp:**

- Tuyên truyền trong VCQL, giáo viên, nhân viên và học sinh nắm được mục tiêu hoạt động của Hội.

- Giáo dục học sinh phát huy truyền thống “Lá lành đùm lá rách” với các hoạt động như Áo lành tặng bạn, vì đồng bào lũ lụt,...

2.9.4. Hội chữ thập đỏ

*** Mục tiêu:**

- 100% VCQL, GV, NV trong nhà trường tham gia công tác chữ thập đỏ trong trường học.

- 100% học sinh nhà trường có kiến thức về phòng chống các dịch, bệnh, tật trong trường học.

- Trang bị đầy đủ thuốc sơ cấp cứu cho học sinh 9 lớp. Đầu tư góc “Sức khỏe Chữ thập đỏ” tại phòng Y tế trường.

- VCQL, GV, NV tham gia hiến máu nhân đạo.
- Xây dựng nhà trường Xanh - Sạch - Đẹp, không có ma túy và tệ nạn xã hội.
- Tổ chức giúp đỡ kịp thời những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng bào các vùng bị thiên tai, thảm họa.

*** Nhiệm vụ:**

- Cán bộ y tế nhà trường tuyên truyền, phổ biến những kiến thức về vệ sinh sức khỏe học đường vào giờ chào cờ đầu tuần. Tuyên truyền luật giao thông đường bộ, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích...trên loa phóng thanh vào giờ ra chơi và gắn các bài trên bảng tin.
- Chi hội chữ thập đỏ kết hợp cùng BGH nhà trường nắm vững đối tượng HS, GV, NV nghèo, khó khăn, tàn tật,... lập danh sách học sinh khó khăn đề nghị hỗ trợ.
- Học sinh các lớp thực hiện phong trào *nuôi heo đất*, kế hoạch nhỏ giúp bạn nghèo vui Tết Nguyên đán.
- Giáo dục học sinh biết giữ gìn, chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện thể dục chính khóa, tham gia bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp nơi công cộng, trường lớp, chăm sóc bảo vệ cây xanh trong nhà trường.
- Tổ chức tập huấn sơ cấp cứu đơn giản cho học sinh khối 3,4,5.

*** Giải pháp:**

- Chi hội Chữ thập đỏ nhà trường phối hợp với Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh tập huấn các kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức các hoạt động tập thể, kỹ năng sơ cấp cứu, kỹ năng ứng phó với thiên tai và lũ lụt, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích...cho hội viên Chữ thập đỏ của nhà trường, đồng thời đưa các kỹ năng vào các chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt dưới cờ...
- Ban chỉ đạo Chữ thập đỏ phối hợp với hội CMMS, đội TNTP tổ chức ký cam kết: An toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy...
- Tuyên truyền về các giá trị, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân đạo và về hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Công tác tuyên truyền, giáo dục được thực hiện dưới hình thức nói chuyện dưới cờ, sinh hoạt lớp, chương trình phát thanh măng non, biểu ngữ, băng rôn,...

2.9.5. Hội đồng tư vấn

*** Mục tiêu:**

- Thành lập hội đồng tư vấn theo đúng Điều lệ trường tiểu học
- 100% các thành viên của Hội đồng tư vấn nắm vững nhiệm vụ trọng tâm của năm học.

*** Nhiệm vụ:**

- Căn cứ vào thực tế nhà trường, tham mưu cho BGH xây dựng mục tiêu chiến lược của nhà trường, kế hoạch hoạt động của nhà trường trong từng lĩnh vực: Chuyên môn, các đoàn thể: Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Y tế học đường; hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua do cấp trên phát động, tư vấn về các công tác xã hội khác như: công tác đảm bảo an ninh trật tự, công tác chữ thập đỏ, khuyến học...
- Tham mưu cho BGH xây dựng bộ máy tổ chức của nhà trường, phân công công việc cho cán bộ giáo viên một cách hợp lý với năng lực, sức khỏe bản thân và hoàn cảnh gia đình.

- Có mối liên lạc với GVCN nắm bắt được những học sinh cá biệt về đạo đức, học tập, những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để giúp đỡ các em khi cần thiết.

- Sẵn sàng trao đổi với các phụ huynh khi phụ huynh có vướng mắc trong việc giáo dục HS.

*** Giải pháp:**

- Các thành viên trong hội đồng tư vấn gương mẫu, chuyên môn vững vàng, tư cách đạo đức tốt nhiệt tình tạo được uy tín đối với đồng nghiệp, phụ huynh học sinh, nhân dân.

2.9.6. Hội đồng thi đua khen thưởng

*** Mục tiêu:**

- Kiện toàn hội đồng thi đua khen thưởng theo đúng Điều lệ trường tiểu học

- 100% các thành viên của Hội đồng khen thưởng phải nắm vững các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng năm học 2023-2025.

*** Nhiệm vụ:**

- Ngay từ đầu năm học Hiệu trưởng ra QĐ kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng đúng thành phần gồm: Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Tổng phụ trách Đội, các giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng.

- Triển khai kịp thời văn bản hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng.

*** Giải pháp:**

- Triển khai đầy đủ các văn bản về công tác thi đua khen thưởng tới toàn thể GV, NV. Thực hiện đăng ký thi đua giữa các cá nhân, các tổ cam kết thi đua thực hiện Xuất sắc nhiệm vụ năm học.

- Kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng ngay từ đầu năm học, chỉ đạo phong trào thi đua, đảm bảo cho phong trào thi đua phát triển đúng hướng và hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch từng chặng thi đua, cụ thể hóa theo từng tháng, tuần và triển khai kịp thời tới GV, HS. Tiếp tục thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua, tổ chức đánh giá xếp loại vào cuối năm học.

2.10. Các hoạt động khác

*** Mục tiêu:**

- 100% GV và học sinh thực hiện tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường.

- 9/9 lớp với 238 HS được tham gia học tập chương trình thể dục chính khóa, các câu lạc bộ thể thao dành cho HS năng khiếu như: chạy nhanh, chạy ngắn; đá cầu, tâng cầu, nhảy dây, cờ vua, cầu lông, Aerobic, dân vũ...

- 9/9 lớp với 238 HS tham gia hoạt động đầu giờ, giữa giờ tập trung, tập các bài thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ; trò chơi An toàn giao thông; trò chơi dân gian.

- 100% VCQL, GV, NV thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ quan.

- 100% VCQL, GV, NV thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, từ thiện

- 100% VCQL, GV, NV và học sinh hiểu được mục đích, ý nghĩa của Ngày Pháp luật (ngày 09/11)

- 100% VCQL, GV, NV và học sinh thực hiện tốt công tác bình đẳng giới.

*** Nhiệm vụ:**

- Tuyên truyền và huy động đầy đủ số trẻ trong độ tuổi ra lớp trong địa bàn đến trường.
- Duy trì đều đặn vào các buổi thể dục chính khóa. Tổ chức bài thể dục đầu giờ, giữa giờ, thể dục nhịp điệu... cho học sinh từ khối 1 đến khối 5. Đan xen các môn thể thao các trò chơi dân gian giúp học sinh học mà chơi, chơi mà học.
- Thực hiện hát Quốc ca vào các tiết chào cờ; xây dựng nề nếp hát đầu giờ, hát chuyển tiết, múa hát tập thể theo chủ đề.
- Nâng cao chất lượng thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Nâng cao chất lượng, năng lực tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở cho đội ngũ cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu trước tình hình mới.
- Trong năm tổ chức cho VCQL, GV, NV và các em học sinh thăm viếng các gia đình chính sách, gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng.
- Tổ chức quyên góp quần áo, sách vở, đồ dùng học tập, gạo, tiền hỗ trợ cho các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

*** Giải pháp:**

- Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, GVCN phối hợp thực hiện tốt các hoạt động hàng tuần theo các chủ đề, các ngày lễ lớn. Sáng tạo ra các hình thức vui chơi, hấp dẫn các em, qua đó góp phần giáo dục ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể tạo niềm vui ham thích đến trường, hăng say học tập.
- Tiếp tục thực hiện công tác giáo dục an toàn giao thông (dạy các bài về ATGT theo quy định).
- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, triển khai quán triệt, tuyên truyền các nội dung cơ bản của Kế hoạch tới cán bộ, viên chức, đảng viên trong nhà trường.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Hoàng Thanh Phương

